

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H M
TỈNH N A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/KDTM-ST
Ngày 13/8/2024.
V/v “*Tranh chấp Hợp đồng
tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H M, TỈNH N A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Trọng và bà Nguyễn Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H M – tỉnh N A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H M – tỉnh N A tham gia phiên toà:
Bà Đào Giang Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H M, tỉnh N A xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2024/TLST – KDTM ngày 11 tháng 3 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP CTVN.

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị (Vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Khắc K - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP CTVN – Chi nhánh Bắc N A (Có mặt).

Địa chỉ: Khối 1, thị trấn C Gi, huyện Qu L, tỉnh N A.

Đồng bị đơn: 1. Anh Vũ Văn Tr, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Trú tại: Khối 5, phường Qu X, thị xã H M, tỉnh N A.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị D, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Trú tại: Khối 1, phường Qu X, thị xã H M, tỉnh N A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên toà Người đại theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP CTVN trình bày:

Vào các ngày 10/8/2023 và ngày 30/8/2023 Ngân hàng TMCP CTVN cấp tín dụng cho chị Nguyễn Thị U và anh Vũ Văn Tr chi tiết theo Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

* Hợp đồng cho vay hạn mức số 23110092/2023-HĐCVHM/NHCT444 ngày 10/08/2023 cho vay số tiền: 1.380.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng). Ngày trả nợ gốc 10/08/2024 và Hợp đồng cho vay hạn mức số 231100105/2023-HĐCVHM/NHCT444 ngày 30/08/2023 vay số tiền: 1.480.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm tám mươi triệu đồng). Ngày trả nợ gốc 30/08/2024 (Hợp đồng này bao gồm khoản vay 1.380.000.000đ và vay thêm số tiền 100.000.000đ).

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh chăn nuôi Hươu. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng cho vay được áp dụng là: 9,5%/năm.

Ngoài ra Ngân hàng còn cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng cho chị Nguyễn Thị U, số tiền cấp hạn mức tối đa 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng cho anh Vũ Văn Tr, số tiền cấp hạn mức tối đa 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Trước khi mở phiên toà anh Vũ Văn Tr, chị Nguyễn Thị U đã thanh toán hết số tiền cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng cho chị Nguyễn Thị U, và anh Vũ Văn Tr nên ngày 29/7/2024 Ngân hàng TMCP CTVN đã rút đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung này.

Các giấy tờ vay nợ anh Tr, chị U là người trực tiếp ký vào giấy tờ vay. Anh Tr, chị U, bà D là người trực tiếp ký vào hợp đồng thế chấp tài sản. Khi vay vốn anh Tr, chị U và bà Lê Thị D đồng ý thế chấp:

1. Quyền sử dụng đất có số thửa 175 tờ bản đồ số 44, có diện tích 687,9 m² tại Khối 2, phường Qu X, thị xã H M, tỉnh N A. Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Văn Tr và Nguyễn Thị U.

2. Quyền sử dụng đất có số thửa 656 tờ bản đồ số 09, có diện tích 386,0 m² tại thôn 9, xã Quỳnh Lộc, thị xã H M, tỉnh N A. Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Thị D.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, chị Nguyễn Thị U và anh Vũ Văn Tr đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP CTVN nên toàn bộ khoản vay trên bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 11/02/2024. Ngân hàng đã nhiều lần ra thông báo đề nghị làm việc với anh Vũ Văn Tr, chị Nguyễn Thị U yêu cầu trả nợ nhưng anh Vũ Văn Tr, chị Nguyễn Thị U vẫn không thực hiện.

Từ khi vay cho đến nay, chị U và anh Tr đã trả cho Ngân hàng các khoản vay cụ thể: Số tiền chị Nguyễn Thị U và anh Vũ Văn Tr đã trả tiền lãi suất cho Ngân hàng TMCP CTVN tạm tính đến ngày 13/8/2024 là: Đối với khoản vay 1.380.000.000đ đã trả được 84.597.925đ tiền lãi suất; Đối với khoản vay 100.000.000đ đã trả được 3.022.156đ tiền lãi suất tổng cộng anh Tr, chị U đã trả

được 87.620.081 đồng (Tám mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi ngàn không trăm tám mươi một đồng).

Tạm tính đến ngày 13/08/2024, chị Nguyễn Thị U và anh Vũ Văn Tr còn nợ Ngân hàng TMCP CTVN số tiền nợ gốc và tiền lãi suất tổng cộng là 1.524.672.797 đồng (Một tỷ năm trăm hai mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm chín mươi bảy đồng) trong đó:

Tổng tiền nợ gốc là: 1.480.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm tám mươi triệu đồng),

Tiền lãi suất: Đối với khoản vay 1.380.000.000đ còn nợ tiền lãi suất là 39.248.377đ; Đối với khoản vay 100.000.000đ còn nợ tiền lãi suất là 5.424.420đ tiền lãi suất tổng cộng anh Tr, chị U nợ lãi là: 44.672.797 đồng (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn bảy trăm chín mươi bảy đồng).

1. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị U và anh Vũ Văn Tr phải trả Ngân hàng TMCP CTVN tạm tính đến ngày 13/08/2024 số tiền nợ gốc và tiền lãi suất tổng cộng là 1.524.672.797 đồng (Một tỷ năm trăm hai mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm chín mươi bảy đồng).

Anh Tr và chị U còn tiếp tục phải trả số tiền lãi và các loại phí phát sinh sau ngày 13/08/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP CTVN.

2. Trường hợp chị Nguyễn Thị U và anh Vũ Văn Tr không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP CTVN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất có số thửa 175 tờ bản đồ số 44, có diện tích 687,9 m² tại khối 2, phường Qu X, thị xã H M, tỉnh N A. Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Văn Tr và Nguyễn Thị U và các tài sản gắn liền với đất; Quyền sử dụng đất có số thửa 656 tờ bản đồ số 09, có diện tích 386,0 m² tại thôn 9, xã Quỳnh Lộc, thị xã H M, tỉnh N A. Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Thị D theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị U và anh Vũ Văn Tr phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP CTVN.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị U và anh Vũ Văn Tr, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để lấy ý kiến, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên toà nhưng đều vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không tiến hành ghi được lời khai của chị U, anh Tr và bà D.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát thị xã H M phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố

tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong suốt quá trình giải quyết và tại thời điểm xét xử.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn có mặt; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn chị U và anh Tr, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát thị xã H M về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 157; 158, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 BLTTDS; các Điều 274; 275; 280; 288; 299; 319; 325; 422; 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 27; các Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ khoản 2 Điều 27; khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam:

Buộc anh Vũ Văn Tr và chị Nguyễn Thị U phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam tổng số tiền là 1.524.672.797 đồng trong đó số tiền gốc là 1.480.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử (13/8/2024) là 44.672.797 đồng, theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 23110092/2023-HĐCVHM/NHCT444 ngày 10/08/2023; Hợp đồng cho vay hạn mức số 231100105/2023-HĐCVHM/NHCT444 ngày 30/08/202. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Tr chị U còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Trong trường hợp anh Vũ Văn Tr và chị Nguyễn Thị U không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 21170910/2021/HĐBĐ/NHCT444 ký ngày 25/08/2021 giữa Ngân hàng TMCP CTVN - Chi nhánh Bắc N A- PGD H M với anh Vũ Văn Tr và chị Nguyễn Thị U; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 22170050/2022/HĐBĐ/NHCT444 ký ngày 23/02/2022 giữa Ngân hàng TMCP CTVN - Chi nhánh Bắc N A với bà Lê Thị D

Đề nghị đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam về khoản nợ vay theo hình thức thẻ tín dụng, số tài khoản thẻ 257110000596139 của chị Nguyễn Thị U vay 30.000.000 đồng và số tài khoản thẻ 257110000596989 anh Vũ Văn Tr vay 30.000.000 đồng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ anh Tr, chị U phải có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng TMCP CTVN chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Về án phí: Anh Tr, chị U phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP CTVN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Hiện nay bị đơn chị Nguyễn Thị U và anh Vũ Văn Tr có nơi cư trú tại khối 5, phường Qu X, thị xã H M, tỉnh N A, vì vậy theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã H M, tỉnh N A thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên căn cứ Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu trong vụ án này.

[1.4] Về tư cách tố tụng: Tại đơn khởi kiện ngày 26/02/2024 Ngân hàng TMCP CTVN xác định chị Nguyễn Thị U là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tuy nhiên tại các hợp đồng tín dụng chị Nguyễn Thị U đã ký xác nhận là người liên đới chịu trách nhiệm trả nợ, tại phiên toà đại diện Ngân hàng TMCP CTVN cũng đã có yêu cầu buộc vợ chồng anh Tr, chị U trả nợ và cũng thống nhất xác định chị U với tư cách tố tụng là bị đơn. Ngoài ra việc vay nợ để nhằm mục đích cho hộ gia đình anh Tr, chị U kinh doanh nuôi hươu. Do đó cần xác định anh Vũ Văn Tr, chị Nguyễn Thị U là đồng bị đơn trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị U và anh Vũ Văn Tr, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xem như bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp và tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngân hàng TMCP CTVN yêu cầu chị U và anh Tr phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng các khoản vay cụ thể:

Vào ngày 10/08/2023 Ngân hàng TMCP CTVN có cho chị Nguyễn Thị U và anh Vũ Văn Tr vay số tiền: 1.380.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng). Ngày 30/08/2023 vay tiếp số tiền: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Mục đích Bổ sung vốn lưu động kinh doanh chăn nuôi Hươu.

Ngoài ra Ngân hàng còn cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng cho chị Nguyễn Thị U, số tiền cấp hạn mức tối đa 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng cho anh Vũ Văn Tr, số tiền cấp hạn mức tối đa 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Qua các chứng cứ thu thập được cho thấy: Vào các ngày 10/8/2023 và ngày 30/8/2023 chị Nguyễn Thị U, anh Vũ Văn Tr có đứng tên vay vốn nợ tại Ngân hàng TMCP CTVN cụ thể các khoản vay như sau:

* Hợp đồng cho vay hạn mức số 23110092/2023-HĐCVHM/NHCT444 ngày 10/08/2023 cho vay số tiền: 1.380.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng). Ngày trả nợ gốc 10/08/2024 và Hợp đồng cho vay hạn mức số 231100105/2023-HĐCVHM/NHCT444 ngày 30/08/2023 vay số tiền: 1.480.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm tám mươi triệu đồng). Ngày trả nợ gốc 30/08/2024 (Hợp đồng này bao gồm khoản vay 1.380.000.000đ và vay thêm số tiền 100.000.000đ).

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh chăn nuôi Hươu. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng cho vay được áp dụng là: 9,5%/năm.

Ngoài ra Ngân hàng còn cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng cho chị Nguyễn Thị U, số tiền cấp hạn mức tối đa 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng cho anh Vũ Văn Tr, số tiền cấp hạn mức tối đa 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Từ khi vay cho đến nay, chị U và anh Tr đã trả cho Ngân hàng các khoản vay cụ thể: Số tiền chị Nguyễn Thị U và anh Vũ Văn Tr đã trả tiền lãi suất cho Ngân hàng TMCP CTVN tạm tính đến ngày 13/8/2024 là: Đối với khoản vay 1.380.000.000đ đã trả được 84.597.925đ tiền lãi suất; Đối với khoản vay 100.000.000đ đã trả được 3.022.156đ tiền lãi suất tổng cộng anh Tr, chị U đã trả được 87.620.081 đồng (Tám mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi ngàn không trăm tám mươi một đồng).

Sau đó bị đơn chị Nguyễn Thị U, anh Vũ Văn Tr không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi hàng tháng cho Ngân hàng theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng TMCP CTVN yêu cầu chị U và anh Tr phải trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi suất còn nợ cho Ngân hàng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị U và anh Tr phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc và tiền nợ lãi suất cho ngân hàng, các phí phát sinh cho đến khi chị U và anh Tr thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng, cụ

thẻ: Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi suất tạm tính đến ngày 13/08/2024 là 1.524.672.797 đồng (Một tỷ năm trăm hai mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm chín mươi bảy đồng) trong đó:

Tổng tiền nợ gốc là: 1.480.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm tám mươi triệu đồng),

Tiền lãi suất: Đối với khoản vay 1.380.000.000đ còn nợ tiền lãi suất là 39.248.377đ; Đối với khoản vay 100.000.000đ còn nợ tiền lãi suất là 5.424.420đ tiền lãi suất tổng cộng anh Tr, chị U nợ lãi là: 44.672.797 đồng (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng).

Xem xét các Hợp đồng đã ký kết Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số 23110092/2023-HĐCVHM/NHCT444 ngày 10/08/2023 và Hợp đồng cho vay hạn mức số 231100105/2023-HĐCVHM/NHCT444 ngày 30/08/2023 được ký kết hợp đồng giữa Ngân hàng TMCP CTVN và anh Vũ Văn Tr, chị Nguyễn Thị U. Các hợp đồng đã đầy đủ về mặt hình thức, nội dung. Việc ký kết hợp đồng giữa Ngân hàng TMCP CTVN và anh Vũ Văn Tr, chị Nguyễn Thị U đều trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc đúng quy định pháp luật, có giá trị pháp lý nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Hợp đồng thế chấp số 21170910/2021/HĐBĐ/NHCT444 ký ngày 25/08/2021 giữa Ngân hàng TMCP CTVN – Chi nhánh Bắc N A với anh Vũ Văn Tr, chị Nguyễn Thị U và Hợp đồng thế chấp số 22170050/2022/HĐBĐ/NHCT444 ký ngày 23/02/2022 giữa Ngân hàng TMCP CTVN với bà Lê Thị D. Các hợp đồng đã đầy đủ về mặt hình thức, nội dung. Việc ký kết hợp đồng giữa Ngân hàng TMCP CTVN và anh Vũ Văn Tr, chị Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị Dịu đều trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc đúng quy định pháp luật, có giá trị pháp lý nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc Ngân hàng còn cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng cho chị Nguyễn Thị U, số tiền cấp hạn mức tối đa 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng cho Ông Vũ Văn Tr, số tiền cấp hạn mức tối đa 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Trước khi mở phiên toà anh Vũ Văn Tr, chị Nguyễn Thị U đã thanh toán hết số tiền cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng cho Ngân hàng TMCP CTVN, Ngày 29/7/2024 Ngân hàng cũng đã rút đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung này. Nên Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ đối với yêu cầu bổ sung này.

Trường hợp chị Nguyễn Thị U và anh Vũ Văn Tr không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP CTVN sẽ được quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

[2.1] Về khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (13/8/2024) sẽ được thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội

đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm.

[3] Về chi phí tố tụng, án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP CTVN được chấp nhận nên chị U và anh Tr phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 6.000.000 đồng theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên anh Tr, chị U phải hoàn trả số tiền này cho Ngân hàng.

Ngoài ra, chị U và anh Tr còn phải chịu 57.740.000 đồng tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 157; 158, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 274; 275; 280; 288; 299; 319; 325; 422; 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 27; các Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 27; khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP CTVN về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với chị Nguyễn Thị U và anh Vũ Văn Tr.

Buộc chị Nguyễn Thị U và anh Vũ Văn Tr phải liên đới có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP CTVN tổng số tiền nợ gốc và nợ tiền lãi suất tạm tính đến ngày 13/08/2024 là 1.524.672.797 đồng (Một tỷ năm trăm hai mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm chín mươi bảy đồng) trong đó:

Nợ gốc là: 1.480.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm tám mươi triệu đồng),

Nợ tiền lãi suất: Đối với khoản vay 1.380.000.000đ là 39.248.377đ; Đối với khoản vay 100.000.000đ là 5.424.420đ. Tổng cộng là: 44.672.797 đồng (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 13/8/2024 chị Nguyễn Thị U và anh Vũ Văn

Tr còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay hạn mức số 23110092/2023-HĐCVHM/NHCT444 ngày 10/08/2023 và Hợp đồng cho vay hạn mức số 231100105/2023-HĐCVHM/NHCT444 ngày 30/08/2023

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP CTVN thì lãi suất mà chị U, anh Tr phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP CTVN theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng. Chị Nguyễn Thị U và anh Vũ Văn Tr còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ lãi chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ lãi này.

2. Trường hợp chị Nguyễn Thị U và anh Vũ Văn Tr không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP CTVN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất có số thửa 175 tờ bản đồ số 44, có diện tích 687,9 m² (Sáu trăm tám mươi bảy phẩy chín mét vuông). Trong đó: đất ở tại đô thị: 200,0m²; đất trồng cây hàng năm khác: 487,9 m² tại Khối 2, phường Qu X, thị xã H M, tỉnh N A. Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 029464 có số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất số : CH 01007/CĐ theo quyết định số 1327/QĐ-UBND do UBND thị xã Hoàng Mai cấp ngày 11/12/2017 đứng tên Vũ Văn Tr và Nguyễn Thị U và các tài sản gắn liền với đất trước và sau khi thế chấp.

Theo Hợp đồng thế chấp số 21170910/2021/HĐBĐ/NHCT444 ký ngày 25/08/2021 giữa Ngân hàng TMCP CTVN – Chi nhánh Bắc N A- PGD H M với anh Vũ Văn Tr, chị Nguyễn Thị U.

Quyền sử dụng đất có số thửa 656 tờ bản đồ số 09, có diện tích 386,0 m² (Ba trăm tám mươi sáu phẩy không mét vuông). Trong đó: đất ở tại nông thôn: 80,0m²; đất trồng cây hàng năm khác (đất vườn gắn liền đất ở) : 306,0m² tại Thôn 9, xã Quỳnh Lộc, thị xã H M, tỉnh N A. Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 867428 có số vào sổ cấp giấy chứng nhận : CS 01775 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An cấp ngày 08/06/2021 mang tên Lê Thị D.

Theo Hợp đồng thế chấp số 22170050/2022/HĐBĐ/NHCT444 ký ngày 23/02/2022 giữa Ngân hàng TMCP CTVN – Chi nhánh Bắc N A với bà Lê Thị D.

3. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, buộc chị Nguyễn Thị U và anh Vũ Văn Tr phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP CTVN.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam về khoản nợ vay theo hình thức thẻ tín dụng, số tài khoản thẻ 257110000596139 của chị Nguyễn Thị U vay 30.000.000 đồng và số tài khoản thẻ 257110000596989 anh Vũ Văn Tr vay 30.000.000 đồng

Về chi phí tố tụng và án phí: Chị Nguyễn Thị U và anh Vũ Văn Tr phải chịu 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng TMCP CTVN đã nạp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên chị U, anh Tr phải hoàn trả số tiền này cho Ngân hàng.

Chị Nguyễn Thị U và anh Vũ Văn Tr phải chịu 57.740.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi ngàn đồng) tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Phần cụ thể anh Tr, chị U mỗi người phải nộp 28.870.000đ (Hai mươi tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng). Ngân hàng TMCP CTVN không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP CTVN số tiền 28.428.000đ (Hai mươi tám triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008437 ngày 28/3/2024 và 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008548 ngày 07/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã H M.

Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh N A;
- VKSND thị xã H M;
- Chi cục THADS thị xã H M;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Huy